

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên	
Ông Hà Sỹ Tuyển	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Lan Anh	Thành viên	
Ông Phạm Quỳnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/04/2016)
Ông Ngô Trọng Vinh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/04/2016)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/04/2016)
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên	
Ông Vũ Gia Hưng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/04/2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

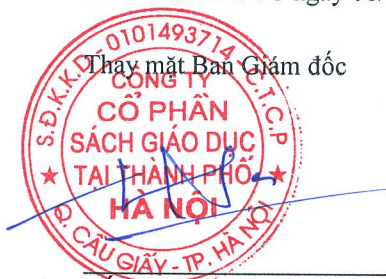
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 20 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		122.839.076.658	126.027.740.310
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.515.293.701	9.339.667.711
111	1. Tiền		4.511.160.368	4.339.667.711
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.004.133.333	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.000.000.000	28.869.736.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	869.736.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.000.000.000	28.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.512.049.848	37.921.309.101
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	48.343.233.716	30.486.388.642
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		402.484.830	2.687.108.242
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	11.000.000.000	6.020.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.100.071.169	1.076.155.984
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.333.739.867)	(2.348.343.767)
140	IV. Hàng tồn kho	9	45.827.407.602	49.071.143.700
141	1. Hàng tồn kho		46.350.340.958	49.717.628.733
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(522.933.356)	(646.485.033)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		984.325.507	825.883.798
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	926.356.787	825.883.798
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	57.968.720	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.922.588.016	27.861.207.613
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		980.000.000	1.030.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	980.000.000	1.030.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.029.597.611	3.505.112.599
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.029.597.611	3.505.112.599
222	- Nguyên giá		6.166.009.222	5.812.973.455
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.136.411.611)	(2.307.860.856)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.233.500.000	2.670.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	3.233.500.000	2.670.500.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	3.150.000.000	750.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.400.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		750.000.000	750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.529.490.405	19.905.595.014
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	16.529.490.405	19.905.595.014
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		150.761.664.674	153.888.947.923

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.521.992.582	31.775.169.466
310	I. Nợ ngắn hạn		32.475.992.582	31.729.169.466
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.352.319.898	22.786.662.987
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		30.823.150	3.814.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	797.746.860	773.825.871
314	4. Phải trả người lao động		1.942.171.945	5.761.697.275
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	5.831.188.144	1.217.520.326
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	429.556.013	103.261.935
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		92.186.572	1.082.386.572
330	II. Nợ dài hạn		46.000.000	46.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	46.000.000	46.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.239.672.092	122.113.778.457
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	118.239.672.092	122.113.778.457
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		669.277.482	669.277.482
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.598.628.953	12.598.628.953
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.893.532.213	8.767.638.578
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.791.729.778	1.787.766.534
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.101.802.435	6.979.872.044
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		150.761.664.674	153.888.947.923

Thư

Phạm Thị Hạnh



Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng

Cần Hữu Hải
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2016	năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	65.529.208.511	67.466.934.189
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.529.208.511	67.466.934.189
11	4. Giá vốn hàng bán	20	52.232.018.354	49.502.599.927
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch		13.297.190.157	17.964.334.262
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.611.694.095	1.118.190.658
22	7. Chi phí tài chính		5.106.460	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	6.967.163.627	9.445.850.398
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.206.370.817	4.810.559.156
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.730.243.348	4.826.115.366
31	11. Thu nhập khác		122.638.495	20.912.341
32	12. Chi phí khác		1.453.799	7.440.077
40	13. Lợi nhuận khác		121.184.696	13.472.264
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.851.428.044	4.839.587.630
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	749.625.609	1.072.995.552
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.101.802.435</u>	<u>3.766.592.078</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	311	417

Nguyễn Cẩm Hương

Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng





Cán Hữu Hải
 Giám đốc


Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		41.621.605.557	40.884.739.881
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(36.387.343.140)	(34.948.482.156)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.582.225.403)	(6.078.616.395)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(642.702.394)	(14.083.980)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		183.721.719	372.057.664
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.053.182.388)	(1.464.520.022)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(7.860.126.049)</i>	<i>(1.248.905.008)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.361.110.984)	(2.463.963.182)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.500.000.000)	(5.750.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.520.000.000	3.250.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.055.850.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.408.097.733	1.178.606.028
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>14.011.136.749</i>	<i>(3.785.357.154)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.975.384.710)	(4.603.320.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(6.975.384.710)</i>	<i>(4.603.320.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(824.374.010)	(9.637.582.162)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.339.667.711	13.399.903.889
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>8.515.293.701</u>	<u>3.762.321.727</u>


 Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập biểu


 Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng


 Cán Hữu Hải
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/ cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Buôn bán sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới). Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Hàng tồn kho (Thành phẩm), Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 30/06 hàng năm sẽ tăng mạnh so với thời điểm đầu năm.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Máy móc, thiết bị | 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí bán hàng được thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho và thời gian trên hợp đồng thầu, phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá trị xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành, hợp đồng về việc thuê tài sản dài hạn diện tích văn phòng tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với thời hạn thuê là 44 năm được Công ty phân loại là hợp đồng thuê hoạt động, giá trị tiền thuê trả trước được Công ty theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh số 10) và thực hiện phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý xuất bản, chi phí hoa hồng môi giới ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	232.954.185	314.523.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.278.206.183	4.025.143.932
Các khoản tương đương tiền	4.004.133.333	5.000.000.000
	8.515.293.701	9.339.667.711

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng có giá trị 4.004.133.333 VND được gửi tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với lãi suất 4,8%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	869.736.000	966.000.000	-
- Công ty Cổ phần FPT				869.736.000	966.000.000	-
	-	-	-	869.736.000	966.000.000	-

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng tiền gửi tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng từ ngày gửi tiền (Hợp đồng tự động gia hạn khi hết kỳ hạn), tổng giá trị là 8.000.000.000 VND với mức lãi suất 5,8%/năm.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.400.000.000	-	-	-
- Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	2.400.000.000	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	750.000.000	-	750.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	-	750.000.000	-
	3.150.000.000	-	750.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Hà Nội	21,82%	21,82%	Phát hành, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục

Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/HĐQT-SGDHN ngày 07/01/2016 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/HĐQT-SGDHN ngày 28/03/2016, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục với tổng giá trị vốn góp là 2,4 tỷ đồng (chiếm 21,82% vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2016).

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 30.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5,00%	5,00%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	5.984.620.245	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	7.136.857.688	535.293.378
- Các khoản phải thu khách hàng khác	35.221.755.783	29.951.095.264
	48.343.233.716	30.486.388.642
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	14.115.649.857	1.567.808.093

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay	4.000.000.000	2.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần in và thương mại Trường An vay	2.500.000.000	3.500.000.000
Cho Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nhân Việt vay	3.000.000.000	-
Cho Mai Bá Bắc vay	1.500.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa vay	-	520.000.000
	11.000.000.000	6.020.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2016	01/01/2016
				VND	VND
Công ty CP sách Dân tộc	VND	10,5%	Tín chấp	4.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP in và thương mại Trường An	VND	10,5%	Tín chấp	2.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nhân Việt	VND	10,0%	Tín chấp	3.000.000.000	-
Ông Mai Bá Bắc	VND	10,0%	Tín chấp	1.500.000.000	-

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	109.392.215	-	279.834.521	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	139.500.000	-
Tạm ứng	705.230.879	-	295.938.379	-
Phải thu khác	1.285.448.075	-	360.883.084	-
- Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[1]	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu tiền bán chứng khoán chưa về tài khoản	1.007.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	78.448.075	-	160.883.084	-
	2.100.071.169	-	1.076.155.984	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	80.000.000	-
Phải thu khác	950.000.000	-	950.000.000	-
- Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[2]	950.000.000	-	950.000.000	-
	980.000.000	-	1.030.000.000	-

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa” với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Lô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Diện tích lô đất là 4550 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình;
- Tổng vốn góp dự kiến: 220 tỷ VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 15%. Tại thời điểm 30/06/2016 phần vốn góp thực tế là 200.000.000 VND và Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

^[2] Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty đã thống nhất tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam với những nội dung sau:

- Thời gian hợp tác: 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng Nguyên tắc hợp tác đầu tư;
- Mục đích: Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Kết quả đầu tư là các sản phẩm, công việc hay khoản tiền thu được từ việc đầu tư, sử dụng quỹ đầu tư xuất bản. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Rủi ro được phân chia theo tỷ lệ phần

- trăm vốn góp của mỗi bên trong quỹ tại thời điểm chốt để phân chia rủi ro;
- Tổng vốn góp dự kiến chưa được quy định cụ thể. Tại thời điểm 30/06/2016 phần vốn góp thực tế là 950.000.000 VND.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Sách và Văn phòng phẩm Cuộc sống mới	751.214.823	-	751.214.823	-
Nhà sách Thành Nghĩa Thành phố Hồ Chí Minh	977.691.820	-	977.691.820	-
Các đối tượng khác	604.833.224	-	619.437.124	-
	2.333.739.867	-	2.348.343.767	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.492.456.412	-	9.982.932.135	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.206.549.078	-	15.817.381.602	-
Thành phẩm	21.522.775.033	(475.391.639)	10.706.331.771	(548.609.097)
Hàng hoá	8.128.560.435	(47.541.717)	3.369.024.405	(35.594.309)
Hàng gửi đi bán	-	-	9.841.958.820	(62.281.627)
	46.350.340.958	(522.933.356)	49.717.628.733	(646.485.033)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	825.883.798	825.883.798
- Phí quản lý xuất bản	66.633.850	-
- Các khoản khác	33.839.139	-
	926.356.787	825.883.798
b) Dài hạn		
- Chi phí bản thảo	1.530.743.531	2.344.881.806
- Chi phí thuê kho tại khu Công nghiệp Nam Thăng Long	2.573.863.637	2.778.409.094
- Chi phí thuê Cửa hàng 116 Cầu Diễn	-	151.090.911
- Chi phí thuê Văn phòng D2.1 Khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex ^[1]	10.464.645.946	10.590.473.357
- Chi phí thuê Cửa hàng Kim Liên	-	200.000.000
- Chi phí sửa chữa cửa hàng	-	742.954.035
- Chi phí bảo hiểm tài sản	46.750.324	-
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.913.486.967	3.097.785.811
	16.529.490.405	19.905.595.014

^[1] Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (VINACONEX 1) và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội về việc thuê dài hạn diện tích văn phòng lô số D-2.1 (Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội). Với các nội dung sau:

- Thời hạn thuê: 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014;
- Tổng số tiền thuê: 11.962.650.000 VND (đã bao gồm VAT 10%);
- Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền của hợp đồng nêu trên trong năm 2014.



11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.472.886.364	3.883.447.418	456.639.673	5.812.973.455
- Mua trong kỳ	103.050.000	764.104.484	-	867.154.484
- Thanh lý, nhượng bán	-	(514.118.717)	-	(514.118.717)
Số dư cuối kỳ	1.575.936.364	4.133.433.185	456.639.673	6.166.009.222
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	192.877.976	1.842.475.300	272.507.580	2.307.860.856
- Khấu hao trong kỳ	105.206.169	204.057.293	33.406.010	342.669.472
- Thanh lý, nhượng bán	-	(514.118.717)	-	(514.118.717)
Số dư cuối kỳ	298.084.145	1.532.413.876	305.913.590	2.136.411.611
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.280.008.388	2.040.972.118	184.132.093	3.505.112.599
Tại ngày cuối kỳ	1.277.852.219	2.601.019.309	150.726.083	4.029.597.611

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 980.035.828 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	3.233.500.000	2.670.500.000
	3.233.500.000	2.670.500.000

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức vốn đầu tư của dự án;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND. Theo hợp đồng này đến thời điểm 01/01/2013, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.915.500.000 VND.

Năm 2013, Công ty thực hiện góp thêm số tiền là 325.000.000 VND căn cứ theo công văn số 100/CV-Hapco, số 146/CV-Hapco, số 203/CV-Hapco và số 241CV/CV-Hapco của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội.

Năm 2014, Công ty tiếp tục góp thêm số tiền là 380.000.000 VND căn cứ theo Biên bản họp ngày 08/04/2014 giữa các bên để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án, nâng tổng số vốn góp của Công ty tại 31/12/2014 là 2.620.500.000 VND. Tỷ lệ góp và tỷ lệ lợi ích vẫn giữ nguyên theo hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Trường hợp Dự án không hoàn thành thì Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội sẽ bồi hoàn toàn bộ số tiền trên cho các nhà đầu tư.

Ngày 13/10/2015, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã có được Quyết định số 5262/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc cho thuê 7.662 m2 đất trên để xây dựng và mở rộng mặt bằng sản xuất. Công ty tiếp tục góp thêm 50.000.000 VND theo công văn số 123/CV-Hapco ngày 21/08/2015 của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội để chuẩn bị cho công việc giám sát và thực thi giải phóng mặt bằng.

6 tháng đầu năm 2016, Công ty tiếp tục góp thêm số tiền là 563.000.000 VND theo công văn số 55/2016 và 90/CV-Hapco của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội.



13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.707.670.118	3.707.670.118	3.598.512.209	3.598.512.209
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	4.818.103.207	4.818.103.207	4.305.042.630	4.305.042.630
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	3.682.210.270	3.682.210.270	1.474.410.330	1.474.410.330
- Phải trả cho các đối tượng khác	11.144.336.303	11.144.336.303	13.408.697.818	13.408.697.818
	23.352.319.898	23.352.319.898	22.786.662.987	22.786.662.987
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	14.285.317.003	14.285.317.003	11.126.399.360	11.126.399.360

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
	Thuế giá trị gia tăng	-	76.966.358	585.998.673	720.933.751	57.968.720	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	642.702.394	749.625.609	642.702.394	-	-	-	749.625.609	-	
Thuế thu nhập cá nhân	-	54.157.119	450.041.155	456.077.023	-	-	-	48.121.251	-	
	-	773.825.871	1.785.665.437	1.819.713.168	57.968.720	-	797.746.860	-	-	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí thưởng doanh số và hoa hồng môi giới	930.289.044	1.068.980.326
Trích trước chi phí bản thảo, nhuận bút	4.444.517.852	83.540.000
Trích trước phí quản lý xuất bản	456.381.248	-
Chi phí phải trả khác	-	65.000.000
	5.831.188.144	1.217.520.326

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	19.911.199	52.819.960
Bảo hiểm xã hội	136.706.780	-
Bảo hiểm y tế	40.917.481	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.409.488	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	213.611.065	50.441.975
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.383.690	23.859.600
- Phải trả Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	153.445.000	10.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	35.782.375	16.582.375
	429.556.013	103.261.935
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	46.000.000	46.000.000
	46.000.000	46.000.000

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Nhà D, Tầng 2, Khu VP Vinaconex1, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	(252.296.518)	(21.117.732.556)	16.403.628.953	6.398.816.934	103.627.256.813	VND
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	3.766.592.078	3.766.592.078	
Trả cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(4.611.050.400)	(4.611.050.400)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(564.988.811)	(564.988.811)	
Số dư cuối kỳ trước	102.194.840.000	(252.296.518)	(21.117.732.556)	16.403.628.953	4.989.369.801	102.217.809.680	
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	12.598.628.953	8.767.638.578	122.113.778.457	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	3.101.802.435	3.101.802.435	
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(6.975.908.800)	(6.975.908.800)	
Số dư cuối kỳ này	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	12.598.628.953	4.893.532.213	118.239.672.092	

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 93/SGDHN ngày 11/04/2016, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		8.211.614.169
Tạm phân phối năm 2015		
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5%	410.580.708
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	821.161.417
Thực hiện phân phối trong kỳ này		
- Chi trả cổ tức	85%	6.975.908.800
- (tương ứng mỗi cổ phần nhận 700đ)		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25,35%	24.928.000.000	24,39%
Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	7.650.000.000	7,49%	7.650.000.000	7,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	11.065.000.000	10,83%	9.601.000.000	9,39%
Ông Ngô Trọng Vinh	3.583.830.000	3,51%	3.583.830.000	3,51%
Bà Lê Thị Tuyết Nhung	3.820.000.000	3,74%	3.820.000.000	3,74%
Bà Ngô Phương Anh	11.960.000.000	11,70%	11.695.000.000	11,44%
Vốn góp của cổ đông khác	35.666.010.000	34,90%	38.378.010.000	37,55%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2,48%	2.539.000.000	2,48%
Cộng	102.194.840.000	100%	102.194.840.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp cuối kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.975.908.800	4.611.050.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.975.908.800	4.611.050.400

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	253.900	253.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.965.584	9.965.584
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.598.628.953	12.598.628.953
	12.598.628.953	12.598.628.953

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:		
- <i>Từ 1 năm trở xuống</i>	247.603.551	247.603.551
- <i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	990.414.205	990.414.205
- <i>Trên 5 năm</i>	9.104.852.045	9.352.455.596

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	65.529.208.511	67.434.206.917
- Doanh thu bán Sách Giáo khoa	795.167.357	1.287.412.545
- Doanh thu bán Sách Tham khảo	47.791.477.842	44.144.350.675
- Doanh thu bán Sách Bổ trợ	8.782.116.806	8.659.812.703
- Doanh thu bán Thiết bị giáo dục	-	629.272.273
- Doanh thu bán vật tư	-	2.780.138.993
- Doanh thu bán Văn phòng phẩm, khác	7.982.694.146	9.831.529.577
- Doanh thu bán Vở tự in	177.752.360	101.690.151
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	32.727.272
- Doanh thu dịch vụ cho thuê đặt máy ATM	-	32.727.272
	65.529.208.511	67.466.934.189
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	27.239.472.205	15.220.723.038

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	52.355.570.031	49.552.712.664
- Giá vốn bán Sách Giáo khoa	789.119.685	1.053.727.657
- Giá vốn bán Sách Tham khảo	36.179.842.645	30.985.162.196
- Giá vốn bán Sách Bổ trợ	7.356.408.168	7.106.849.006
- Giá vốn bán Thiết bị giáo dục	-	594.114.000
- Giá vốn bán vật tư	-	2.662.129.593
- Giá vốn bán Văn phòng phẩm, khác	7.883.521.427	7.076.465.463
- Giá vốn bán Vở tự in	146.678.106	74.264.749
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(123.551.677)	(50.112.737)
	52.232.018.354	49.502.599.927

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.097.824.095	995.690.658
Lãi bán chứng khoán	373.870.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	140.000.000	122.500.000
	1.611.694.095	1.118.190.658

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.015.111.205	5.222.181.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	29.812.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.466.523.715	1.699.972.431
Chi phí khác bằng tiền	1.485.528.707	2.493.884.049
	6.967.163.627	9.445.850.398

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.381.714.286	1.809.745.869
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	665.571.507	329.121.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	342.669.472	296.637.151
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	12.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(14.603.900)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.134.322	351.225.701
Chi phí khác bằng tiền	1.570.885.130	2.011.829.269
	4.206.370.817	4.810.559.156

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.851.428.044	4.839.587.630
Các khoản điều chỉnh tăng	36.700.000	152.183.980
- Lương HDQT không trực tiếp điều hành	36.700.000	152.183.980
Các khoản điều chỉnh giảm	(140.000.000)	(122.500.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(140.000.000)	(122.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.748.128.044	4.869.271.610
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	749.625.609	1.071.239.754
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1.755.798
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	642.702.394	(435.905.687)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(642.702.394)	(14.083.980)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	749.625.609	623.005.885

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.101.802.435	3.766.592.078
Các khoản điều chỉnh :		
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	564.988.811
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.101.802.435	3.201.603.267
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	7.685.084
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	311	417

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.371.197.338	12.462.908.753
Chi phí nhân công	5.396.825.491	7.031.927.680
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	665.571.507	329.121.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	342.669.472	326.449.258
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	12.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(14.603.900)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.178.891.411	19.486.259.624
Chi phí khác bằng tiền	3.056.413.837	4.505.713.318
	57.005.965.156	44.154.379.799

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.515.293.701	-	9.339.667.711	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.423.304.885	(2.333.739.867)	32.592.544.626	(2.348.343.767)
Các khoản cho vay	19.000.000.000	-	34.020.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	869.736.000	-
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	750.000.000	-
	79.688.598.586	(2.333.739.867)	77.571.948.337	(2.348.343.767)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	23.827.875.911	22.935.924.922
Chi phí phải trả	5.831.188.144	1.217.520.326
	29.659.064.055	24.153.445.248

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.515.293.701	-	8.515.293.701
Phải thu khách hàng, phải thu khác	48.109.565.018	980.000.000	49.089.565.018
Các khoản cho vay	19.000.000.000	-	19.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	75.624.858.719	1.730.000.000	77.354.858.719
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.339.667.711	-	9.339.667.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.214.200.859	1.030.000.000	30.244.200.859
Các khoản cho vay	34.020.000.000	-	34.020.000.000
Đầu tư ngắn hạn	869.736.000	-	869.736.000
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	73.443.604.570	1.780.000.000	75.223.604.570

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016			
Phải trả người bán, phải trả khác	23.781.875.911	46.000.000	23.827.875.911
Chi phí phải trả	5.831.188.144	-	5.831.188.144
	29.613.064.055	46.000.000	29.659.064.055
Tại ngày 01/01/2016			
Phải trả người bán, phải trả khác	22.889.924.922	46.000.000	22.935.924.922
Chi phí phải trả	1.217.520.326	-	1.217.520.326
	24.107.445.248	46.000.000	24.153.445.248

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2016	năm 2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		27.239.472.205	15.220.723.038
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	117.685.484	81.569.230
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	460.739.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	66.010.600	19.755.040
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	11.831.364	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	52.575.600	62.970.840
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Cùng Tập đoàn	15.152.200	-
Công ty CP Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	122.739.400	266.532.060
Công ty CP Mỹ Thuật Truyền Thông	Cùng Tập đoàn	148.843.130	75.915.790
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	-	87.975.300
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	-	3.975.000
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	16.639.890
Chi nhánh Nhà Xuất Bản Giáo dục tại Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	-	4.209.075
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	4.170.974.300	4.032.408.400
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	1.326.597.710
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	924.854.480	285.110.280
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	8.830.354.956	8.957.064.423
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	50.225.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	12.267.486.691	-
Doanh thu cho thuê văn phòng, cho thuê cửa hàng		1.628.993.181	-
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	1.628.993.181	-
Doanh thu thanh lý TSCĐ, Công cụ dụng cụ		90.136.364	-
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	90.136.364	-

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Mua hàng hóa		16.129.724.883	16.367.409.236
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	1.690.000	1.267.500
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	181.500.000	148.500.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	120.896.000	394.452.550
Công ty CP Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	294.829.368
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	37.336.400	1.194.132.535
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	5.107.799.940	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	1.122.576.000	727.170.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.822.186.300	7.589.107.660
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.639.306.556	3.017.445.549
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	444.548.500	1.240.151.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	582.021.250	1.679.724.874
Tạp chí Toán học & tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	23.587.200	20.822.810
Tạp chí Văn học & tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	6.069.750
Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng Tập đoàn	-	15.735.640
Công ty CP Sách dịch và từ điển Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	38.000.000
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	46.276.737	-
Mua dịch vụ (phí bản thảo, biên tập, phí thầu, quản lý xuất bản)		2.822.046.416	2.585.850.312
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.766.578.916	2.101.925.812
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.045.837.500	403.774.500
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	9.630.000	17.180.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	62.970.000
Cổ tức nhận được		105.000.000	112.500.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	105.000.000	112.500.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		14.115.649.857	1.567.808.093
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	653.460.600	741.062.393
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	-	45.655.940
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	66.449.500	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	64.470.112	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Cùng Tập đoàn	60.731.280	65.579.080
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Cùng Tập đoàn	149.060.432	180.217.302
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	7.136.857.688	535.293.378
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	Công ty liên kết	5.984.620.245	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	1.512.216.427
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	1.512.216.427
Phải trả cho người bán ngắn hạn		14.285.317.003	11.126.399.360
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	565.101.203	-
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	10.159.544
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	-	5.512.550
Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng Tập đoàn	-	9.085.100
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	1.079.012.839	99.499.339
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.682.210.270	1.474.410.330
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	96.908.822
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	97.932.888
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	142.291.521	922.597.501
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	147.836.615	147.836.615
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	116.166.500	146.536.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	4.818.103.207	4.305.042.630
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	16.004.000	66.229.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	3.707.670.118	3.598.512.209
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	10.920.730	10.920.730
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	135.215.602
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.827.500	2.827.500
NXBGD tại Thành phố Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	2.827.500	2.827.500

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

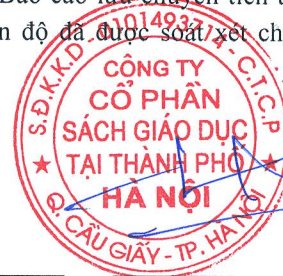
	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.008.096.127	856.295.889

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Nguyễn Cẩm Hương
Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

